

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 12 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Hồi phục cùng thế giới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/9/2019		•	
Tuần 9/9-13/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa phiên sáng, VN-Index nhanh chóng lấy lại được sắc xanh khi lực mua tăng mạnh tại các mã bluechips trụ cột thị trường như VCB, GAS, VJC, VIC. Trong phiên chiều, chỉ số duy trì được đà tăng và thành công chinh phục ngưỡng 975 điểm. Thị trường có phiên giao dịch tích cực đồng pha với các chỉ số chính trong khu vực. Thanh khoản có sự cải thiện cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã phần nào được giải tỏa khi thương chiến Mỹ-Trung có dấu hiệu hạ nhiệt. Cụ thể, Mỹ đã đáp lại động thái nhượng bộ của Trung Quốc trong vấn đề thương mại bằng việc lùi thời hạn áp thêm thuế quan xuống ngày 15/10 thay vì 1/10.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. FPT có phiên tăng giá tích cực sau khi tích lũy tại vùng giá 20-22 trong gần nửa tháng qua. Thanh khoản cũng tăng mạnh gần gấp đôi trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ phiếu hết room ngoại_2.2%. Tất cả các danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **8/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (+0.7%)**. Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu hết room ngoại** tăng ấn tượng với hiệu suất trong ngày **2.2%** nhờ các cổ phiếu cơ bản tốt và kỳ vọng từ việc bộ chỉ số VN Diamond-Index được xây dựng. Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có mức thể hiện tốt hơn bình quân thị trường chung trong hôm nay:

Phân tích kỹ thuật: REE_Tiềm năng vượt đỉnh (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.76 điểm**, đóng cửa 976.07. HNX-Index **+0.94 điểm**, đóng cửa 101.11.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.44)**; **VHM (+0.59)**; **HVN (+0.58)**; **VJC (+0.53)**; **FPT (+0.49)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.40)**; **SAB (-0.25)**; **TCH (-0.09)**; **ROS (-0.09)**; **LGC (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,779.27 tỷ đồng**, **+33.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.76 điểm. Thị trường có 200 mã tăng và 106 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **52.09 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (42.71 tỷ), VCB (14.88 tỷ) và MSN (14.84 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.14 tỷ đồng**.

VN-INDEX

976.07

Giá trị: 2779.28 tỷ

6.76 (0.7%)

Khối ngoại (ròng): -52.09 tỷ

HNX-INDEX

101.11

Giá trị: 224.6 tỷ

0.94 (0.94%)

Khối ngoại (ròng): -3.14 tỷ

UPCOM-INDEX

56.40

Giá trị: 189.77 tỷ

0.58 (1.04%)

Khối ngoại (ròng): -2 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.5	-0.45%
Giá vàng	1,503	0.41%
Tỷ giá USD/VND	23,208	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,537	-0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,521	0.03%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	2.59%
LS TPCP 5 năm	3.1%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	59.8	VNM	42.7
VJC	12.5	VCB	14.9
BID	9.1	MSN	14.8
PC1	6.7	VHM	11.5
KBC	4.7	VRE	10.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*Tất cả các danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 8/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (+0.7%). Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu hết room ngoại tăng ấn tượng với hiệu suất trong ngày 2.2%** nhờ các cổ phiếu cơ bản tốt và kỳ vọng từ việc bộ chỉ số VN Diamond-Index được xây dựng.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có mức thể hiện tốt hơn bình quân thị trường chung trong hôm nay:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu hết room ngoại_2.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ phiếu hết room ngoại	2.2%	2.2%	0.9%	10.5%	3.2%	3.1%	75.6%
Xây dựng	1.8%	2.9%	3.3%	-0.7%	-10.4%	-10.0%	26.2%
Ngân hàng	1.7%	0.7%	4.3%	10.2%	-0.4%	-0.1%	75.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	0.8%	1.9%	5.3%	-0.7%	2.6%	71.2%
BDS & Khu công nghiệp	1.1%	0.8%	1.8%	4.4%	-1.6%	5.1%	64.5%
Dầu khí	1.1%	-2.0%	-2.1%	-2.4%	-4.5%	-6.4%	11.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.0%	2.8%	1.6%	-0.4%	-5.8%	-5.5%	-5.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	-1.3%	-6.1%	-9.2%	-16.1%	-17.5%	35.3%
Chiến tranh thương mại	0.5%	-0.9%	-2.8%	-3.9%	-6.5%	6.1%	8.9%
Nước & Năng lượng	0.5%	0.4%	0.4%	-1.5%	-3.6%	8.4%	59.6%
Hàng tiêu dùng	0.5%	1.6%	-0.6%	6.3%	3.7%	5.0%	61.7%
Vật liệu Xây dựng	0.5%	1.5%	0.0%	3.3%	-0.6%	6.3%	7.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	-1.1%	-3.9%	-2.7%	-2.5%	13.2%	48.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	0.0%	1.5%	1.0%	-4.5%	1.2%	83.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	2.0%	2.2%	6.0%	10.9%	6.8%	6.0%	64.4%
Danh mục 14	1.8%	0.5%	1.9%	4.6%	0.9%	1.8%	41.8%
Danh mục 8	1.6%	2.1%	1.5%	8.6%	10.1%	12.7%	64.6%
Danh mục 4	0.8%	-0.6%	-0.5%	3.1%	-5.2%	-7.6%	22.1%
Danh mục 17	0.7%	-1.7%	-3.9%	-1.1%	-5.5%	8.5%	131.5%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	2.4%	4.1%	6.5%	14.4%	9.1%	5.5%	75.5%
Danh mục 19	1.7%	2.3%	2.8%	8.7%	5.9%	11.0%	56.9%
Danh mục 21	1.4%	1.8%	2.3%	7.3%	3.6%	2.8%	45.7%
Danh mục 20	1.1%	-0.5%	0.3%	1.8%	-3.8%	7.9%	20.3%
Danh mục 23	1.1%	-1.8%	-3.2%	0.2%	-5.3%	6.0%	114.1%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	0.7%	-0.1%	1.0%	2.4%	-2.8%	-1.1%	47.9%
VN30INDEX	1.0%	0.9%	1.4%	4.0%	-3.5%	-6.7%	35.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

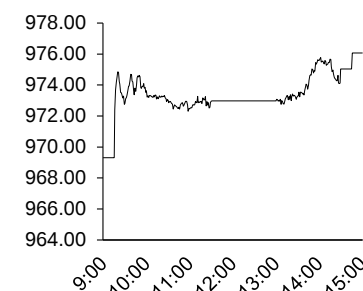
BSC RESEARCH

9/12/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

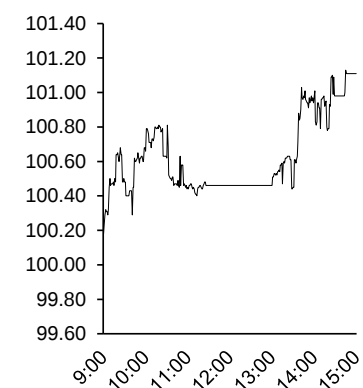
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	4.1%
Du lịch và Giải trí	2.7%
Bảo hiểm	2.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.9%
Ngân hàng	1.4%
Bán lẻ	1.4%
Viễn thông	1.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Y tế	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Dầu khí	0.4%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.4%
Bất động sản	0.4%
Hóa chất	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%
Ô tô và phụ tùng	-1.4%
Truyền thông	-3.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

REE_Tiềm năng vượt đỉnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD tăng trở lại nhưng chưa vượt qua đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mức 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Như chúng tôi đã đề cập trong báo cáo tuần 32, cổ phiếu REE đang trong quá trình tăng giá tích cực từ đầu năm cho đến nay. Trong vài tuần trở lại đây, giá cổ phiếu có sự điều chỉnh giảm từ ngưỡng 38 về khu vực 35. Tuy nhiên, hai phiên hôm nay REE đã hồi phục mạnh mẽ và có tiềm năng vượt đỉnh ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều ủng hộ trạng thái tích cực của cổ phiếu. Dù đường MACD chưa cắt lên trên đường tín hiệu nhưng khả năng cao sẽ xuất hiện Golden Cross trong những ngày tới. Theo quan điểm của chúng tôi, REE sẽ bứt phá và chinh phục mức đỉnh lịch sử tại vùng giá 40 -41, từ đó làm bàn đạp hướng đến khu vực trên 50.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Về kế hoạch 2019 các mảng kinh doanh: M&E: kế hoạch năm 2018 là 2800 tỷ đồng, doanh thu kỳ mới năm 2018 là 3,572 tỷ. kế hoạch doanh thu 3600 tỷ đồng +5%, LNST đạt 275 tỷ đồng +13%yoy. REE tech: doanh thu 1205 tỷ đồng (+50.5%) lợi nhuận 505 tỷ đồng (+11.1%). Mảng BĐS cho thuê: doanh thu 836 tỷ đồng (+31% yoy), lợi nhuận dự kiến 390 tỷ đồng (+37.7%). Tiếp tục triển khai các dự án Etown Center với dự kiến khoảng 800-100. Dự án cho thuê mới Q4: Tỷ lệ lấp đầy là 96% - thu tiền 40% - giá cho thuê ban đầu 18+5, giá thực tế 23+6. Mảng điện nước: doanh thu 772 tỷ đồng (-7.4%) lợi nhuận 685 tỷ đồng (-37.5%). Giai đoạn 1 - Đường ống nước chất liệu kém, mua cùng dự án này vs GEX (chiếm 95% dự án) - Xây trạm bơm, đường ống 6.4 km nối về HN, 700 tỷ capex, chưa ghi nhận phân bổ do đang vốn hóa, 280 -> 300 (+10% capacity). Đối với mảng điện: dự kiến M&A với công ty điện do nhà nước thoái vốn. Mảng nước tiếp tục triển khai dự án nhà máy nước sông Đà (VCW): Xây trạm bơm, đường ống 6.4 km nối về HN, 700 tỷ capex, chưa ghi nhận phân bổ do đang vốn hóa, công suất dự kiến tăng 280 -> 300 m3/ ngày đêm (+10% capacity).

Rủi ro Đầu tư

Mảng điện nước sau khi đầu tư dự án nhiều khả năng sẽ ghi nhận tăng trưởng thấp trong 2 năm đầu, do đó lợi nhuận của REE có thể bị ảnh hưởng.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express REE 2019Q2.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 12/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 12/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.08	-2.39%	-0.32%	2.09%	-20.31%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.06	-2.15%	0.57%	4.23%	-23.44%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.57	-0.92%	2.69%	-5.47%	-22.64%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1496.91	0.75%	-3.59%	-0.96%	24.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.11	0.54%	-7.49%	6.16%	27.41%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	855.99	-0.55%	-0.75%	-0.64%	3.26%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	477.04	-1.70%	4.56%	1.12%	-0.98%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.23	0.16%	3.46%	3.52%	13.02%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	164.80	-0.96%	0.18%	-13.26%	10.16%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.81	-0.64%	-1.82%	-6.49%	-7.37%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	0.00%	22.18%	-4.27%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	100.15	1.83%	7.23%	6.83%	2.35%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.60	-0.42%	0.69%	0.65%	-2.32%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3770.00	-0.40%	2.09%	-0.24%	-14.57%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1820.00	1.17%	3.82%	2.82%	-11.82%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	1.10%	3.37%	1.10%	34.31%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.05	-0.55%	0.55%	-3.90%	-39.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 1.57 USD, hơn 2.5%, còn 60.81 USD. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 1.65 USD, tương đương 2.9% còn 55.75 USD/ thùng.
- Giá dầu tiếp tục giảm gần 3% sau khi có tin tổng thống Mỹ Donald Trump đã cân nhắc việc nới lỏng các lệnh trừng phạt đối với Iran, điều này có thể thúc đẩy nguồn cung dầu thô toàn cầu đúng vào thời điểm lo ngại về nhu cầu tiêu thụ yếu. Về phía Iran, nước này cho biết sẽ không đàm phán với Mỹ trong khi các lệnh trừng phạt đối với Tehran vẫn được Washington thi hành.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.6% lên 1,494.90 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 0.3% đạt 1,503.20 USD/ounce.
- Giá vàng bất tăng do thị trường kỳ vọng vào các chính sách nới lỏng tiền tệ của các ngân hàng trung ương hàng đầu trong khi rủi ro tăng trưởng toàn cầu tiếp tục kéo dài. Ngoài ra, giá vàng còn bị tác động bởi nhiều yếu tố khác như: Lãi suất thấp, lợi suất trái phiếu tăng kéo dài, mối quan hệ thương mại Mỹ Trung bớt căng thẳng khi Trung Quốc miễn một số hàng hóa của Mỹ khỏi các mức thuế trả đũa trước cuộc đàm phán tháng 10/2019.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.5% đạt 661 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.1% xuống còn 3,481 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng kỳ hạn 1/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.4% xuống còn 3,515 CNY/tấn. Lo ngại về nhu cầu yếu đã ép giá thép giảm nhẹ. Doanh số ô tô tại Trung Quốc giảm 6.9% trong tháng 8, tháng giảm thứ 14 liên tiếp và doanh số bán xe năng lượng mới cũng giảm 15.8%, theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc.

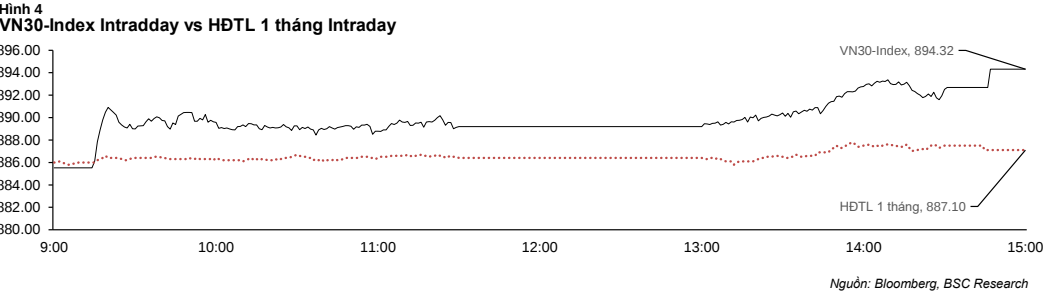
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.8%, tương đương 1.7%, đạt 1.034 USD/ lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 tăng 11 USD, tương đương 0.8%, đạt 1,338 USD/tấn. Trong tháng 8, xuất khẩu từ hai nước sản xuất cà phê đứng đầu thế giới đều giảm. Xuất khẩu cà phê xanh từ Brazil đã giảm 8.5% so với năm ngoái, do xuất khẩu cà phê Robusta giảm 14.4%. Xuất khẩu cà phê từ Việt Nam cũng giảm 18.7% so với tháng 7 còn 1.90 triệu bao (60 kg).
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.07 cent, tương đương 0.6%, còn 10.81 cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn tăng 8.30 USD, tương đương 2.5%, đạt 309.80 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2020 trên sàn TOCOM giảm hơn 0.2 JPY còn 168.8 JPY(1.57 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải giá cao su giao tháng 1/2020 giảm 5 CNY/tấn còn 12,000 CNY (1,686 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo rời khỏi mức cao nhất 3 tuần đạt được trong phiên liền trước do các nhà đầu tư đã chốt lời từ đợt tăng gần đây.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	887.10	0.27%	-7.22	-6.5%	35880	9/19/2019	7
VN30F1910	888.90	0.23%	-5.42	205.8%	893	10/17/2019	35
VN30F1912	888.70	0.19%	-5.62	89.7%	55	12/19/2019	98
VN30F2003	887.20	0.14%	-7.12	-63.6%	32	3/19/2020	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 8.80 điểm lên mức 894.32 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như FPT, VJC, HPG, VPB, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 tăng mạnh trong phiên ATO, dành phần lớn thời gian còn lại của phiên giằng co dưới ngưỡng 890, và tiếp diễn đà tăng tích cực trong phiên chiều. Thanh khoản phục hồi vừa phải. Chỉ số vẫn đang tích lũy kéo dài tại vùng 880-895 điểm.

- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá tăng trong trung đến dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CFPT1902	SSI	9/30/2019	18	1:1	170,460	717.2%	1.0 triệu	19.23%	3,800	11,500	24.86%	11,470.60
CMBB1901	SSI	9/28/2019	16	1:1	625,580	254.2%	3.0 triệu	20.37%	1,900	2,270	15.82%	2,510.70
CFPT1904	MBS	11/19/2019	68	3:1	238,980	-36.7%	3.0 triệu	19.23%	1,700	2,880	15.20%	1,753.91
CREE1901	MBS	11/19/2019	68	3:1	336,980	150.3%	3.0 triệu	n/a	1,260	1,600	15.11%	n/a
CHPG1905	SSI	12/30/2019	109	1:1	6,890	-47.9%	1.0 triệu	29.38%	3,300	3,500	14.75%	1,340.40
CMWG1904	SSI	9/28/2019	109	1:1	39,120	-38.5%	1.0 triệu	19.23%	14,000	34,400	9.21%	28,082.50
CHPG1906	KIS	11/14/2019	63	2:1	28,780	69.5%	5.0 triệu	29.38%	1,500	870	8.75%	51.70
CFPT1903	SSI	12/30/2019	109	1:1	91,000	401.1%	2.0 triệu	19.23%	6,000	13,800	8.66%	12,021.60
CMBB1902	HSC	12/17/2019	96	1:1	192,290	34.1%	1.0 triệu	23.22%	3,200	3,280	8.25%	1,918.10
CMWG1903	HSC	12/30/2019	109	5:1	50,000	-78.3%	2.0 triệu	19.23%	2,700	5,450	4.81%	4,630.50
CHPG1902	KIS	12/11/2019	90	5:1	69,000	1061.6%	3.0 triệu	29.38%	1,000	490	2.08%	-
CMWG1902	VND	12/11/2019	90	4:1	13,230	-66.8%	2.4 triệu	19.23%	2,990	8,300	0.12%	6,963.50
CVRE1901	KIS	11/14/2019	63	2:1	88,730	25.3%	2.5 triệu	28.92%	1,900	1,190	0.00%	68.42
CVIC1901	KIS	11/14/2019	63	5:1	26,460	123.9%	2.0 triệu	23.05%	1,960	2,090	-2.79%	79.90
CVNM1901	KIS	12/13/2019	92	10:1	257,310	898.1%	5.0 triệu	20.59%	1,200	570	-5.00%	3.60
CMSN1901	KIS	11/14/2019	63	5:1	19,920	15.9%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,560	-7.69%	272.00
CHPG1904	SSI	9/30/2019	18	1:1	74,720	-43.3%	1.0 triệu	29.38%	2,200	960	-35.57%	378.00

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CFPT1902 và CMBB1901 tăng mạnh lần lượt là 24.86% và 15.82%. Trái lại, CHPG1904 giảm mạnh 35.57%. Thanh khoản thị trường tăng mạnh 55.42%. CMBB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 27% thị trường.

- Ngoại trừ CMBB1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. FPT có phiên tăng giá tích cực sau khi tích lũy tại vùng giá 20-22 trong gần nửa tháng qua. Thanh khoản cũng tăng mạnh gần gấp đôi trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang cho thấy tín hiệu tăng giá ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng giá lên chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	56.50	4.44	1.81
VJC	137.00	2.54	1.28
HPG	22.55	2.27	1.15
VPB	20.50	1.99	0.96
MBB	23.10	1.99	0.80

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	76.8	-1.54	-0.78
ROS	26.7	-2.20	-0.14
SAB	261.2	-0.50	-0.13
VNM	122.0	-0.08	-0.07
EIB	16.8	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1902	96,981	45,140	56,500
CMBB1901	23,700	20,600	23,100
CFPT1904	57,100	52,000	56,500
CREE1901	41,330	37,550	37,150
CHPG1905	93,300	23,100	22,550
CMWG1904	165,000	90,000	116,800
CHPG1906	31,088	28,088	22,550
CFPT1903	56,154	45,140	56,500
CMBB1902	26,300	21,800	23,100
CMWG1903	25,800	95,000	116,800
CHPG1902	168,888	41,999	22,550
CMWG1902	48,130	90,000	116,800
CVRE1901	44,688	40,888	33,950
CVIC1901	150,688	140,888	121,500
CVNM1901	46,340	158,888	122,000
CMSN1901	98,488	88,888	76,800
CHPG1904	98,800	23,100	22,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	116.8	1.5%	0.7	2,248	4.3	7,893	14.8	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.4	0.6%	1.0	778	1.4	4,727	17.0	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	73.9	2.4%	1.3	2,252	0.3	1,505	49.1	3.4	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.9	0.6%	0.7	341	0.3	3,061	11.1	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.5	0.0%	1.1	17,675	1.0	1,643	73.9	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.0	0.0%	1.1	3,438	1.4	1,033	32.9	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.7	0.0%	0.8	2,496	0.8	3,579	17.2	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.2	2.9%	1.0	501	2.4	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.3	5.5%	1.4	370	2.7	2,944	5.5	1.3	45.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	20.9	0.5%	1.3	461	0.6	1,997	10.4	1.1	57.7%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.3	-0.3%	1.0	231	0.0	5,067	6.4	1.4	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.5	1.9%	1.4	286	0.6	1,434	15.0	1.6	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.5	4.4%	0.8	1,666	9.2	4,349	13.0	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.7	1.1%	0.4	494	0.0	3,778	12.1	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	99.3	0.6%	1.5	8,263	0.4	6,066	16.4	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.5	0.0%	1.5	3,184	0.3	3,350	18.4	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.7	2.1%	1.7	409	1.5	2,397	8.2	0.7	23.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	8.7	0.0%	0.8	1,173	0.2	1,163	7.5	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	89.9	0.0%	0.5	511	0.0	4,616	19.5	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.0	1.6%	0.7	220	0.3	853	15.2	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.4	0.4%	0.6	194	0.2	897	9.4	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	79.5	1.7%	1.3	12,820	2.8	4,729	16.8	3.9	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.7	1.2%	1.5	5,745	2.9	2,091	18.5	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.2	1.8%	1.6	3,262	0.9	1,470	13.7	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.5	2.0%	1.2	2,190	1.6	2,989	6.9	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.1	2.0%	1.1	2,123	4.7	3,215	7.2	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.2	1.8%	1.1	1,565	0.6	3,438	6.5	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	50.2	1.1%	0.9	179	0.3	5,017	10.0	1.7	77.5%	17.1%
NTP	Nhựa	37.1	-0.3%	0.3	144	0.1	4,490	8.3	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.2	-3.7%	1.2	712	0.1	732	24.9	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.6	2.3%	1.0	2,707	5.4	2,760	8.2	1.4	37.6%	19.9%
HSG	Thép	6.6	-0.6%	1.5	121	0.3	425	15.5	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	122.0	-0.1%	0.8	9,237	3.2	5,465	22.3	7.5	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	261.2	-0.5%	0.8	7,283	0.1	6,735	38.8	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.8	-1.5%	1.2	3,903	1.0	3,304	23.2	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.1	1.5%	0.5	390	0.8	542	31.6	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	71.5	1.7%	0.8	6,768	0.3	2,630	27.2	5.1	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.0	2.5%	1.1	3,120	4.0	9,850	13.9	5.3	19.1%	43.3%
HVN	Vận tải	34.2	4.1%	1.7	2,109	0.7	1,747	19.6	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.1	1.9%	0.8	350	0.5	1,888	14.4	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.8	0.9%	0.6	217	0.3	2,435	7.3	1.2	30.3%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.7	2.4%	0.9	591	0.9	7,667	11.3	4.4	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.6	0.8%	0.8	381	0.3	1,327	14.7	1.3	13.2%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	0.0%	0.8	257	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	94.6	0.1%	0.7	314	0.1	13,535	7.0	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.2	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.5	1.0%	0.5	221	0.3	387	53.0	1.0	52.1%	1.9%
POW	Điện	12.4	1.6%	0.6	1,263	0.4	820	15.1	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.1	0.2%	0.6	314	0.3	2,241	11.2	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	79.50	1.66	1.42	800240.00
VHM	86.90	0.70	0.59	289830.00
HVN	34.20	4.11	0.57	468280.00
VJC	137.00	2.54	0.54	677330.00
FPT	56.50	4.44	0.48	3.80MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	1.83	0.67	621200.00
PVS	19.70	2.07	0.10	1.70MLN
VCS	86.70	2.36	0.07	245900.00
DHT	41.90	5.28	0.04	105600.00
CEO	10.30	1.98	0.03	2.14MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	76.80	-1.54	-0.41	291870.00
SAB	261.20	-0.50	-0.25	8240.00
TCH	23.00	-4.17	-0.11	2.90MLN
ROS	26.70	-2.20	-0.10	14.49MLN
LGC	39.00	-4.06	-0.09	10.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	25.70	-4.46	-0.09	280800.00
CTX	14.10	-9.03	-0.03	600.00
KLF	1.20	-7.69	-0.02	192200.00
MBG	16.80	-4.55	-0.02	41600.00
SHS	6.70	-1.47	-0.01	557700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	13.05	6.97	0.00	20.00
VNE	3.38	6.96	0.01	184150.00
DBD	53.10	6.95	0.05	1.22MLN
TDC	9.09	6.94	0.02	183420.00
TTE	13.15	6.91	0.01	130.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	1.00	11.1	0.00	271700.00
DTD	15.40	10.0	0.02	254000.00
HPM	8.90	9.9	0.00	100.00
SCI	16.70	9.9	0.01	129900.00
IDJ	5.60	9.8	0.02	205100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.22	-6.95	0.00	1940.00
TDW	22.35	-6.88	0.00	30.00
FTM	5.69	-6.87	-0.01	33620.00
CIG	2.00	-6.54	0.00	13260.00
VMD	20.10	-6.51	-0.01	240.00

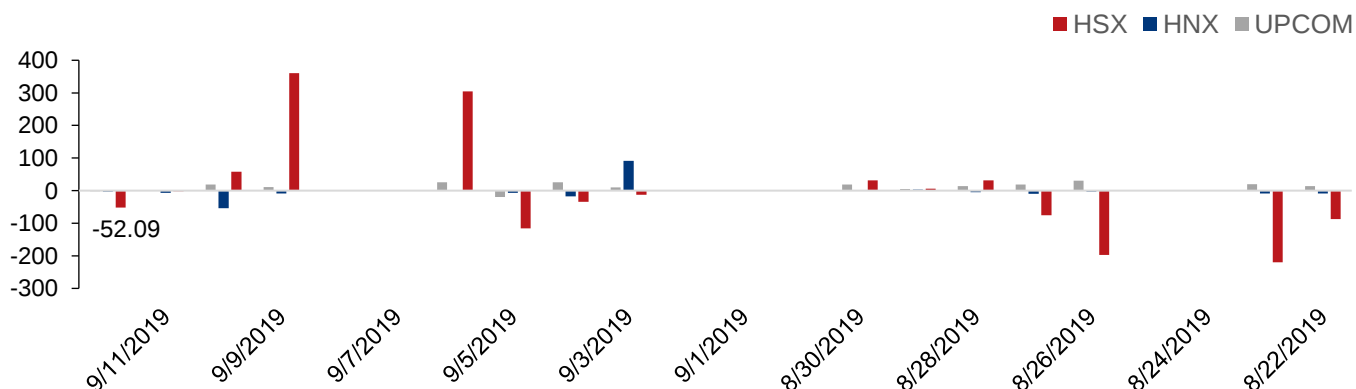
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	4700.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	174300.00
DZM	2.70	-10.00	0.00	100.00
VHE	10.10	-9.82	-0.01	15600.00
DPC	16.10	-9.55	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.6	3,705	7.2	1.9	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.5	4,349	13.0	2.9	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.8	649	21.3	1.2	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	116.8	7,893	14.8	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.4	4,727	17.0	4.4	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	52.4	5,276	9.9	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.6	4,234	6.7	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.2	3,438	6.5	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.3	3,181	5.4	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.5	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	43.0	4,314	10.0	3.0	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	76.8	3,304	23.2	2.9	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	158.0	7,716	20.5	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.1	1,888	14.4	1.3	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	116.8	7,893	14.8	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	28.7	3,474	8.3	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.6	1,433	5.3	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	77.6	18,865	4.1	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.8	1,295	17.6	1.8	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.5	3,437	5.4	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

